

Số:46/2017/QĐST- HNGĐ

Ngọc Hôi, ngày 08 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017, giữa: Nguyên đơn: chị Trần Thị Y - sinh năm 1991 và anh Phan Văn V - sinh năm 1979; Cùng cư trú tại: Thôn 3, xã K, huyện Ngọc Hôi, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Trần Thị Y - Sinh năm 1991.

- Anh Phan Văn V – Sinh năm 1979.

Cùng cư trú tại: Thôn 3, xã K, huyện Ngọc Hôi, tỉnh Kon Tum.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Phan Văn V thỏa thuận cùng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Y có trách nhiệm trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc con chung là Phan Trần Gia B - sinh ngày 24/4/2012, cho đến khi con Phan Trần Gia B, trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh Phan Văn V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng để, chị Trần Thị Y nuôi con chung là Phan Trần Gia B. Mức tiền cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng, thời điểm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/8/2017 cho đến khi con Phan Trần Gia B đủ 18 tuổi và tự lập được. Người

không trực tiếp nuôi con, có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

□p dụng: Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày án có hiệu lực và đến thời điểm phải thanh toán và bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bên phải thi hành án không trả khoản tiền trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5; Điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Y và anh Phan Văn V mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phan Văn V phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị Y nhận nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Yến đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: AA/2014/0001760 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi. Chị Y đã nộp xong.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- UBND xã Đắk Kan;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Văn Thuận